

SỐ 1735

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

Đời nhà Đường, Sa môn Trìng Quán soạn

QUYỂN 1

LỜI TỰA

Qua lại không ranh giới, động tĩnh cùng một nguồn, hàm chứa nhiều vi diệu mà có thừa, vượt lên trên nói nghĩ mà cách xa, điều ấy chỉ riêng Pháp Giới mà thôi.

Phân tích tường tận sâu xa, mở rộng rõ ràng tâm cảnh, tận cùng nguồn gốc lý tánh, xuyên suốt bao gồm nhân quả, mệnh mạng hòa vào vạn vật, rộng lớn thấy đều đầy đủ, điều ấy chỉ riêng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm mà thôi.

Vì vậy, Đức Thế Tôn của chúng ta, mười Thân ban đầu đầy đủ, Chánh giác vừa mới thành tựu, nương theo nguyện hạnh mà phủ khắp, hòa lẫn hư không làm Thể tánh, dồi dào vạn đức, sạch không mảy trần. Sóng lặng mà biển Trí trong suốt, rỗng rang hàm chứa cảnh tượng; trăng tròn mà trời Tánh sáng ngời, lập tức in bóng trăm sông. Không rời khỏi cây Bồ-đề, hiện bày bảy Xứ ở pháp giới; không trái với thời gian sau, thông suốt chín Hội lúc mới thành. Tận cùng tông chỉ sâu xa mà rộng lớn, phủ khắp vô lượng chúng hội mà khó nghĩ. Viên âm tự nhiên thư thái, trọn vẹn mười cõi mà lập tức rộng khắp; chủ bạn trùng trùng vô tận, khắp nơi mười phương mà cùng nhau tuyên thuyết. Tuy trống không bật dứt dấu tích, mà trời Nghĩa sáng ngời rực rỡ; tuy trong

veo mất hết ngôn từ, mà biển Giáo cuộn cuộn mênh mêng. Như chính là ngàn môn kín đáo trút vào, làm nguồn lớn cho những giáo điển; vạn đức cùng nhau quay về, làm quyển thuộc thâm nhiếp kinh pháp. Đó chính là Tông Chỉ.

Chân Thể sâu xa ở phạm vi của Vạn Hóa, Đức Tướng hiển bày ở cánh cửa của Trùng Huyền, Dụng phát khởi mà luôn luôn Như, Trí soi khắp mà thường xuyên Tĩnh. Chân và Vọng đan xen thấu suốt, ngay nơi tâm phàm mà nhìn thấy tâm Phật; Sự và Lý song song tu tập, dựa vào Trí mình mà mong cầu trí Phật. Lý tùy theo Sự thay đổi, thì một-nhiều duyên khởi mà vô biên; Sự đạt được Lý dung hòa, thì sai khác hòa nhau mà vô ngại. Vì vậy đạt được mười thân lần lượt trải qua mà tác thành lẫn nhau, sáu phần vị không rối loạn mà trở lại thu nhận, rộng lớn lập tức hòa vào không gián đoạn, mảy trần thu nhận đầy đủ mà không khác. Rõ ràng cùng nhau hiện bày, giống như bình hạt cải ấy, đầy đủ cùng trong một lúc, còn là giọt nước giữa biển. Một nhiều không ngăn ngại, giống như ngàn ngọn đèn trong nhà trống; ẩn hiển cùng thành tựu, tựa như một mảnh trăng giữa trời Thu. Trùng trùng chiếu rọi lẫn nhau, giống như châu ngọc rủ xuống từ lưới giăng của Đế Thích; niệm niệm dung hòa tròn vẹn, tương tự trải qua đời kiếp từ giấc mộng của đêm dài. Pháp môn trùng điệp, như mây cuộn giữa bầu trời bao la; vạn hạnh tỏa thơm, tựa hoa nở trên gấm lụa rực rỡ.

Dường như cao không thể ngược lên, bởi tích lũy hạnh của Bồ-tát hong khô mang vảy ở Long môn; sâu không thể nhìn thấy, bởi tăng thêm đức của Thanh văn ngăn chặn nghe nhìn ở Hội tốt. Thấy và nghe làm chủng tử, tám nạn vượt quá tầng bậc của Thập Địa; hiểu và hành thuộc về mình, một đời tròn vẹn quả vị của nhiều kiếp. Sư Tử lập tức vùng dậy, vô lượng chúng lập tức Chứng ở giữa rừng sâu; Tượng Vương vòng đi vòng lại, sáu ngàn người thành tựu Đạo từ sau lời nói. Bắt đầu trình bày ở tháp miếu phía Đông, Trí đầy đủ không khác gì tâm ban đầu; dựa vào phần vị mong cầu ở phía Nam, nhân trọn vẹn không vượt quá lỗ chân lông. Phân tích quyển kinh của vi trần, bởi niệm niệm thành tựu quả; tận cùng nguyện môn của chúng sinh, bởi trần trần đầy đủ hạnh. Thật sự có thể gọi là Diệu Thuyết của Thường hằng, là Hồng Quy của Thông phương, là Cực Đàm của Xứng tánh, là Yếu Quỹ của Nhất thừa.

Tìm theo tông chỉ sâu xa này, trở lại xem những kinh khác, điều ấy giống như mặt trời sáng chói giữa bầu trời, làm mất đi ánh sáng của mọi cảnh vật; núi chúa Tu-di giữa biển rộng, làm thấp xuống đỉnh cao

của mọi đỉnh núi. Vì vậy, Bồ-tát tìm ra bí mật ở Long Cung, Đại Hiền truyền bá mở rộng ở Đông Hạ. Nhưng nghĩ rằng trong thời Chánh pháp, ánh sáng rực rỡ hãy còn che giấu; may mắn thay vào thời Tượng-Quý, tình cờ gặp sự giáo hóa sâu xa, như được gặp Thánh Chúa, được ở tại Linh Sơn, dốc lòng tư duy về Tông chỉ sâu xa, lẽ nào không vui mừng hớn hở hay sao?

Đề mục gọi là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, tức là tên gọi tổng quát của Vô tận Tu-đa-la; Thế Chủ Diệu Nghiêm Phẩm Đệ Nhất, tức là đề mục riêng biệt về phẩm loại ý nghĩa của các phần (Thiên). Đại là bởi vì rộng mở gồm đủ không ranh giới; Phương là dùng Chánh pháp mà tự duy trì; Quảng là phù hợp với Thế mà rộng khắp; Phật là bậc giác ngộ về chân lý huyền diệu này; Hoa dụ cho công đức vạn hạnh; Nghiêm là pháp trang nghiêm thành tựu con người; Kinh chính là dòng suối tuôn chảy mãi không cạn, nối liền Diệu nghĩa cô đọng sâu xa, thâm nhiếp Hải hội vô biên, làm lệ thường của muôn đời. Phật và các Vương, đều xưng là Thế Chủ; Y-Chánh của pháp môn, đều gọi là Diệu Nghiêm; phân tích chủng loại nghĩa lý để làm sáng tỏ gọi là Phẩm; đứng đầu các phần mà xưng là Đệ Nhất.

Kinh này có ba mươi chín phẩm, phẩm này nêu lên đầu tiên, cho nên nói là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Thế Chủ Diệu Nghiêm Phẩm Đệ Nhất.

*“Kính lay Điều Ngự Sư phước trí viên minh,
Vô lượng thế giới ba đời khắp mười phương,
Vàng mây Đại Bi của công đức pháp giới,
Biển rộng Đại Trí của Tỳ-lô-giá-na.
An trú trong pháp tánh chân thật thậm thâm,
Lưu truyền Tu-đa-la vi diệu viên mãn,
Trong mỗi một trần có chư Phật mười phương,
Phổ Hiền-Văn Thù cùng với các Đại sĩ.
Nay con muốn dùng Trí như một mảy lông,
Suy lường hư không pháp giới rộng vô biên,
Nguyện được nhờ Đông Thế Từ của Tam Bảo,
Từng câu phù hợp với ý của chư Phật.
Khiến cho Pháp nhãn luôn luôn không thiếu sót,
Thấy hết thế giới chúng sinh như Phổ Hiền,
Hồi hướng chúng sinh đầy đủ thắng thiện này,
Nhanh chóng chứng đến quả Bồ-đề Thường-Lạc.”*

Muốn giải thích nghĩa lý của kinh, tổng quát đưa ra mười môn:

Thứ nhất: Nhân duyên phát khởi của Giáo; Thứ hai: Nơi thâm nhiếp của Tạng và Giáo; Thứ ba: Phạm vi giới hạn của nghĩa lý; Thứ tư: Giáo đã che phủ căn cơ; Thứ năm: Thể của Giáo sâu-cạn; Thứ sáu: Tông thú mở rộng và giới hạn; Thứ bảy: Bộ loại của Phẩm-Hội; Thứ tám: Cảm được thần thông khi truyền dịch; Thứ chín: Tổng quát giải thích đề mục của Kinh; Thứ mười: Riêng biệt giải thích về văn nghĩa.

Thứ nhất Nhân duyên phát khởi của Giáo: Thánh nhân thiết lập giáo pháp chắc chắn có nguyên do gây nên, như núi Tu-di và biển rộng, bởi vì nguyên nhân lớn mới làm cho lung lay chuyển động. Nay làm lung lay núi Đức vàng ròng, chuyển động biển Trí sâu rộng của Như Lai, không phải là nhân duyên nhỏ bé. Vì vậy, kinh ở văn sau nói: “Không phải bởi vì một nhân duyên, không phải bởi vì một sự việc, Như Lai xuất hiện mà có thể thành tựu, xuất hiện vốn là bởi vì Đại Hoa Nghiêm.”

Trước là nhân-sau là duyên đều đưa ra mười nghĩa, để hiển bày về nhân vô tận.

Mười nghĩa: Một: Bởi vì pháp thuận theo như vậy; Hai: Bởi vì đáp lại nhân vốn có; Ba: Bởi vì thuận theo cơ cảm; Bốn: Bởi vì làm căn bản của Giáo; Năm: Bởi vì hiển bày về đức của quả; Sáu: Bởi vì làm sáng tỏ phần vị của Địa; Bảy: Bởi vì thuyết về hạnh thù thắng; Tám: Bởi vì nêu ra pháp chân thật; Chín: Bởi vì khai mở về tánh của nhân; Mười: Bởi vì làm lợi ích cho hiện tại và vị lai.

Một: Bởi vì pháp thuận theo như vậy: Vương đạo bằng phẳng từ ngàn xưa cùng chung quy phạm, Huyền môn Nhất thừa thì chư Phật chứng đắc như nhau. Vì vậy, tất cả chư Phật, pháp vốn như vậy đều đối với vô tận thế giới, thường chuyển pháp luân vô tận như vậy, làm cho các chúng sinh phần bốn hoàn nguyên, cùng tận thời gian vị lai, không có lúc nào dừng nghỉ. Do đó, trong phẩm Bát Tư Nghị trình bày: “Tất cả chư Phật có thể ở nơi một thân hóa hiện vô lượng đầu như số vi trần cõi Phật bất khả thuyết-bất khả thuyết, mỗi một đầu hóa hiện bấy nhiêu lưỡi, mỗi một lưỡi phát ra bấy nhiêu âm thanh, cho đến văn tự-cú nghĩa, mỗi một loại đầy khắp tất cả pháp giới không có tận cùng.” Đây là Xứ thì dùng mảy lông bao gồm pháp giới theo chiều ngang (Không gian), Thời thì dùng sát-na tận cùng kiếp hải theo chiều dọc (Thời gian); Xứ thì lập tức phát khởi, Thời thì luôn luôn phát khởi, không chờ đợi nhân riêng biệt, chỉ thuận theo thấy-nghe mà thuyết giảng, có riêng biệt về bắt đầu thành tựu của chín Hội. Các đấng Từ Bi, ở trong vô tận sơ lược lưu truyền về điều này, khiến cho tìm ở nơi này nhìn thấy pháp vô biên

pháp, như nhìn qua khe hở từ cửa sổ mà thấy rõ bầu trời không ranh giới, bởi vì một Xứ tức là tất cả các Xứ, một Thời tức là tất cả các Thời.

Hai: Bởi vì đáp lại nhân vốn có: Vì sao pháp vốn như vậy mà chuyển như vậy? Bởi vì nhân vốn có sâu xa, rễ sâu xa thì quả tươi tốt, nguồn xa xăm thì dòng chảy kéo dài, nhân vốn có đã sâu xa thì Giáo phát khởi cũng rộng lớn. Sâu xa rộng lớn thế nào? Đức Phật Thế Tôn của chúng ta, bắt đầu theo đuổi dấu tích sâu xa, thần thức dừng nơi vắng lặng tuyệt vời, Bi-Trí vận dụng song song, Hạnh-Nguyện hoàn toàn đầy đủ, vì vậy vọng tưởng không cất bỏ mà rộng rãi tận cùng Tánh Không, gương linh không mài mà lập tức sáng tỏ Vạn Pháp, chính là dùng giải thoát vô chướng ngại mà trình bày về Sa-môn này. Nhân vốn có tuy nhiều mà tóm lược có hai loại: 1: Bởi vì lực của Đại nguyện, phẩm Hiện Tướng nói: “Đức Phật Tỳ-lô-giá-na, nguyện lực rộng khắp pháp giới, ở trong tất cả quốc độ, luôn luôn chuyển luân Vô thượng.” Phẩm Đâu Suất Kệ Tán nói: “Như Lai không hề xuất thế, cũng không hề có Niết-bàn, do lực Đại nguyện vốn có, thị hiện về pháp tự tại.” Các Hội có Phật gia hộ đều nói đến Nguyện lực, và các văn nơi khác chứng minh thành tựu không phải là một. 2: Bởi vì lực của hạnh xưa kia, nghĩa là từ vô lượng kiếp dựa vào Nguyện để khởi Hạnh, Hạnh thành tựu đạt được Quả mới có thể lập tức thuyết giảng. Vì vậy, Chủ Sơn Thần nói kệ rằng: “Xưa tu hạnh thù thắng không có giới hạn, nay đạt được thần thông cũng không hạn lượng, pháp môn mở rộng khắp nơi như trần số, đều làm cho chúng sinh rất vui thích tỉnh.”

Ba: Bởi vì thuận theo cơ cảm: Nghĩa là nhân xưa kia pháp vốn như vậy, tuy có thể luôn luôn rộng khắp, mà dựa theo có thể lưu truyền đều do cơ cảm, bởi vì lìa xa căn cơ mà thuyết pháp thì không có tác dụng, điều ấy giống như trên cao có vầng trăng sáng chiếu xuống đầm nước trong veo, đầm nước trong veo thì bóng trăng hiện rõ, cơ cảm ứng thì sinh ra. Vì vậy, phẩm Đâu Suất Kệ Tán nói: “Thấy Phật cũng lại như vậy, chắc chắn nhờ nhiều thiện nghiệp.” Chư Phật mười phương nói cho Công Đức Lâm và các Bồ-tát biết rằng bởi vì lực của nhiều thiện căn; Giải Thoát Nguyệt nói: Chúng này không còn những cấu nhiễm, tâm chí hiểu biết đều trong sáng... Đều là cơ cảm. Mở rộng hiển bày về cơ cảm, như trong phần thứ tư về Giáo đã che phủ căn cơ. Như vậy cơ cảm nổi thông với hiện tại và vị lai, Đương cơ của các Hội tức là hiện tại, người nghe bây giờ là căn cơ thuộc vị lai.

Bốn: Bởi vì làm căn bản của Giáo: Nghĩa là không phải biển thì không thể có dòng nước ngầm, không có gốc thì không thể có ngọn rủ

xuống, mong muốn đuối theo căn cơ mà từng bước thiết lập về Giáo thuộc ngọn (Mạt giáo). Trước hết nêu ra pháp gốc (Bổn pháp), lập tức thuyết giảng kinh này. Nhưng cũng có hai: 1: Làm gốc tách ra từng bước, phẩm Xuất Hiện nói: “Như mặt trời mới mọc, trước hết soi chiếu núi cao.” 2: Làm gốc thâm nhiếp ngọn, như lúc mặt trời lặn vẫn soi chiếu núi cao, tất cả đều từ pháp giới này mà sinh ra, tất cả đều quay trở về với pháp giới này. Kinh Pháp Hoa nói: “Mới nhìn thấy thân Ta, nghe pháp Ta đã thuyết, lập tức đều tin nhận, vào Tuệ của Như Lai.” Đây là gốc của từng bước. Tiếp đến nói: “Trừ ra những người trước đây tu tập học theo pháp của Tiểu thừa.” Đây tức là tách ra từng bước. Lại nói: “Ta nay cũng khiến cho được nghe kinh này mà tiến vào trí tuệ của Phật.” Đây tức là thâm nhiếp ngọn đưa về gốc. Đây là kinh Pháp Hoa cũng dựa vào kinh này để làm gốc.

Năm: Bởi vì hiển bày về đức của quả: Nghĩa là trong pháp gốc này hiển bày về đức thù thắng của Phật, khiến cho các Bồ-tát tin tưởng hưởng đến chứng đắc, không hiểu biết về ngọc quý báu thì không có được tác dụng của ngọc, không nhận biết về đức này thì lẽ nào có thể ngưỡng mộ mong cầu? Nhưng đức của quả có hai: 1. Quả của Y báo, đó là Hoa Tạng thế giới hải; 2. Quả của Chánh báo, đó là mười thân của Như Lai... Hai đức này vô ngại lấy làm đức của Phật. Nhưng Y-Chánh vô ngại gồm chung có sáu câu phân biệt: 1. Trong Y hiện rõ Y, như sát hải trong mây trần; 2. Trong Chánh hiện rõ Chánh, như lỗ chân lông hiện rõ Phật; 3. Trong Chánh hiện rõ Y; 4. Trong Y hiện rõ Chánh; 5. Trong Y hiện rõ Y-Chánh; 6. Trong Chánh hiện rõ Chánh-Y. Văn nói về điều ấy không phải một. Lại có bốn câu phân biệt: 1- Hoặc chỉ riêng Y, bởi vì Phật tức là quốc độ; 2- Hoặc chỉ riêng Chánh, bởi vì quốc độ tức là Phật; 3- Có cả hai; 4- Phai mờ cả hai. Tư duy có thể biết. Hễ nêu ra một môn thì thâm nhiếp tất cả, đều nói như văn sau.

Sáu: Bởi vì làm sáng tỏ phần vị của Địa: Vì hiển bày về nhân của Phật là sự tu hành của Bồ-tát, một con đường đến quả vốn có nhiều tầng bậc khác nhau. Nói đến điều quý báu nhất của Thánh nhân đó là phần vị, bởi vì nếu không có phần vị này thì hạnh không có thành tựu. Điều này cũng có hai loại: 1. Hành bố môn, bởi vì thiết lập phần vị sai biệt; 2. Viên dung môn, bởi vì một phần vị đã thâm nhiếp tất cả phần vị. Mỗi mỗi phần vị đầy đủ tức là đến Phật, cho nên Địa thứ nhất nói: “Trong một Địa thâm nhiếp đầy đủ công đức của tất cả các Địa. Phần vị Tín bao gồm quả hải, lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác.” Nhưng hai môn này vô ngại, bởi vì Hành bố là thi thiết về Giáo tướng, Viên dung

là đức dụng thuộc Lý tánh. Tướng là tướng của ngay nơi tánh, cho nên Hành bố không ngăn ngại Viên dung; Tánh là tánh của ngay nơi tướng, cho nên Viên dung không ngăn ngại Hành bố. Viên dung không ngăn ngại Hành bố, cho nên một làm vô lượng; Hành bố không ngăn ngại Viên dung, cho nên vô lượng làm một. Vô lượng làm một, cho nên dung thông mờ mờ ảo ảo; một làm vô lượng, cho nên trải qua tiến vào trùng trùng điệp điệp. Vì vậy Thế Thân dùng sáu tướng viên dung, văn từ trên xuống dưới không phải một.

Bảy: Bởi vì thuyết về hạnh thù thắng: Muốn bước lên phần vị tuyệt vời, không phải hành không theo tầng bậc, vì vậy quân tử không lo không có phần vị, mà chỉ lo mình không thiết lập. Hành cũng có hai loại: 1. Nhanh chóng thành tựu các hành, một hành thì tất cả hành, cho nên phẩm Thập Trú nói: “Một tức là nhiều, nhiều tức là một..” Phẩm Phổ Hiền Hạnh nói: “Một đoạn cho nên tất cả đoạn...” 2. Khắp nơi thành tựu các hành, đây tức là Hành bố, nghĩa là từ công đức Thế-Tướng của tâm Đại Bồ-đề, cho đến hành trong Đẳng Giác, hai loại này vô ngại ví dụ như phần vị mà nói.

Tám: Bởi vì nêu ra pháp chân thật: Muốn thành tựu phần vị của hành thì cần phải hiểu rõ về lý của pháp, không hiểu biết về Lý-Sự thì hành cũng không phải chân thật, vì vậy phẩm Đâu Suất Kệ Tán nói: “Không hiểu rõ về pháp chân thật, vì vậy mà chư Phật xuất thế.” Điều này cũng có hai loại: 1. Hiển bày pháp của Sự-Lý vô ngại; 2. Hiển bày pháp của Sự-Sự vô ngại. Điều nói như ở phần phạm vi giới hạn của nghĩa lý.

Chín: Bởi vì khai mở về tánh của nhân: Nghĩa là Nhân-Quả-Lý-Sự trên đây, đều bởi vì tánh vốn có của chúng sinh. Nếu tánh không phải vàng ngọc thì tuy gọt giũa cũng không trở thành đồ vật quý báu. Bởi vì chúng sinh bao gồm tánh đức mà làm Thế, dựa vào biển Trí để làm nguồn, nhưng Tướng thay đổi thì Thế sai khác, Tình phát sinh thì Trí cách xa. Nay khiến cho nhận biết Tâm hợp với Thế, thông hiểu Bản thì Tình không còn, cho nên bàn về kinh này để làm biểu hiện rõ ràng, cũng có hai loại: 1. Dùng ngôn từ để biểu hiện rõ ràng khiến cho nhận biết vốn có điều ấy; 2. Khiến cho tu hành tỏ ngộ tiến vào biểu hiện rõ ràng điều ấy, như văn sau nói phá toạc mảy trần lấy ra quyển kinh... Cũng như kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ bởi vì nhân duyên của một Đại sự, cho nên xuất hiện ở thế gian, đó gọi là khai bày rõ ràng tỏ ngộ tiến vào tri kiến của Phật.” Chúng sinh đều có nên nói là chỉ một.

Mười: Bởi vì làm lợi ích cho hiện tại và vị lai: Đã như nhau vốn

có phần ấy, cho nên mở rộng lợi ích đến vô biên. Điều này cũng có hai loại: 1. Lợi ích cho hiện tại, tức là Phật đang hưởng về căn cơ; 2. Lợi ích cho vị lai, tức là thấy-nghe bây giờ. Phẩm Phát Tâm nói: “Chư Phật chúng ta hộ trì pháp này, khiến cho tất cả Bồ-tát chưa từng nghe ở đời vị lai, thấy đều được nghe.” Lợi ích này lại có hai: a) Khiến cho được thấy-nghe làm chùng tử kiên cố, cho nên phẩm Xuất Hiện nói: “Như người ăn phải một tí Kim cang, đến cuối cùng không tiêu được...” b) Khiến cho phát khởi hạnh thành tựu chứng nhập, vì vậy phẩm Xuất Hiện lại nói: “Giả sử có Bồ-tát, trải qua vô lượng trăm ngàn ức Na-do-tha kiếp, thực hành sáu Ba-la-mật, tu tập các loại pháp phân Bồ-đề, nếu chưa nghe pháp môn Đại uy đức Bất tư nghị này của Như Lai, hoặc lúc nghe rồi nhưng không tin, không hiểu, không thuận theo, không tiến vào, thì không được gọi là Bồ-tát chân thật, bởi vì không có thể sinh vào nhà của Như Lai. Nếu nghe pháp này mà tin hiểu tùy thuận tỏ ngộ tiến vào, thì nên biết người này sinh vào nhà của Như Lai, cho đến tiến sâu vào cảnh giới vô ngại của Như Lai.” Bởi vì tu tập có tạo tác, nhiều kiếp mà cuối cùng trở thành bại hoại, không có tâm Thế cuối cùng một niệm liền hợp với nhà của Phật. Phẩm Hiền Thủ nói: “Ở nơi mười sát trần số chư Như Lai, thấy đều kế thừa hầu hạ suốt một kiếp, nếu đối với phẩm này có thể tụng trì, thì phước ấy thù thắng vượt quá phước kia...”

Lại lợi ích này riêng biệt đối với chín loại trước trở thành mười loại lợi ích, đó là: Một. Nghe về pháp vốn như vậy, thì nhận biết luôn luôn rộng khắp, thành tựu lợi ích về thấy-nghe. Hai. Nghe về hạnh vốn có, nguyện phát khởi học theo Phật, thành tựu lợi ích về phát tâm. Ba. Nghe về cơ cảm, nhận biết về pháp do thiện mà phát khởi, thành tựu lợi ích về tu tập. Bốn. Nghe về làm gốc, nhận biết về nghĩa trọn vẹn ấy, thành tựu lợi ích về nhanh chóng đạt được. Năm. Nghe về đức của quả, thì tin tưởng vui thích nguyện đầy đủ, thành tựu lợi ích về diệt trừ chướng ngại. Sáu. Nghe về phần vị, tâm mong mỏi chứng nhập, thành tựu lợi ích về thâm nhiếp phần vị. Bảy. Nghe về hành, phát tâm tu tập thực hành, thành tựu lợi ích về phát khởi thực hành. Tám. Nghe về pháp, quyết định phải hiểu rõ ràng, thành tựu lợi ích về phù hợp với tánh. Chín. Nghe về nhân, nhận biết tất cả đều giống nhau, thành tựu lợi ích về chuyển sang Lợi tha. Mười. Đầy đủ toàn bộ chín loại trước, thành tựu lợi ích về mau chóng chứng đắc. Vì vậy nhân của chín loại trước đều làm lợi ích cho hiện tại, cũng có thể mỗi một môn trước đều thành tựu mười lợi ích, có thể dùng ý hiểu được. Bởi vì mười nghĩa trên đây, cho nên Giáo này phát khởi. Trong phẩm Phát Tâm có mười nguyên nhân,

phẩm ấy nói: “Bởi vì thần lực của Phật, bởi vì lực Bốn nguyện của Đức Thế Tôn...” Nhân duyên đan xen vào nhau, nhân duyên hưởng về tụ hội, có thể dùng ý hiểu được.

Phần sau là trình bày về duyên thuyết kinh: Tất cả các kinh, đầu tiên thuyết về thời gian-nơi chốn-con người..., đều là duyên khởi. Nay có mười duyên: Một. Dựa vào thời gian (Thời); Hai. Dựa vào nơi chốn (Xứ); Ba. Dựa vào Hội chủ (Chủ); Bốn. Dựa vào Tam-muội; Năm. Dựa vào tướng hiện rõ; Sáu. Dựa vào người thuyết giảng; Bảy. Dựa vào người nghe; Tám. Dựa vào nguồn gốc của đức; Chín. Dựa vào người thừa thĩnh; Mười. Dựa vào người gia hộ.

Một: Dựa vào thời gian (Thời): Nói về tâm sâu xa hợp với đạo thì xưa nay hòa vào làm một, pháp giới vô sinh thì gốc không còn thời gian. Kệ sau trong kinh nói: “Chư Phật đạt được Bồ-đề, thật sự không tính ngày tháng, thuyết giảng lại không bờ bến, niệm-kiếp dung thông tròn vẹn.”

Nay dùng thời gian của không có thời gian, sơ lược hiển bày về mười lớp thời gian riêng biệt: 1. Chỉ có một niệm; 2. Toàn bộ bảy ngày; 3. Rộng khắp ba đời; 4. Thâu nhiếp kiếp cùng chủng loại; 5. Thu nhận kiếp khác chủng loại; 6. Dùng niệm thâu nhiếp kiếp; 7. Kiếp và niệm trở lại thu nhận; 8. Thời gian và thế giới khác chủng loại; 9. Nơi này và nơi kia hòa vào với nhau; 10. Dùng gốc để thu nhận ngọn.

Nghĩa là dùng không phải kiếp làm kiếp, đối với mười thời gian trước đây, luôn luôn thuyết giảng về kinh này. Lại mười loại này tùy theo một loại thu nhận trọn vẹn, dựa vào thời gian thuyết giảng này thì không có bắt đầu và cuối cùng, cũng tùy theo thấy-nghe mà nói lúc đầu thành tựu..., như trước đây phân rõ trong phần về pháp vốn như vậy. Nếu dựa vào thời gian này thì khác xa với những Giáo khác, mà thời gian của những Giáo khác không ra khỏi thời gian này. Hoặc nói là bảy ngày thứ ba-bảy ngày thứ sáu..., bởi vì tùy theo thấy-nghe, mở rộng như ở phần chỉ quy.

Hai: Dựa vào nơi chốn (Xứ): Nói về Trí tận cùng phạm vi của Chân thì chủ động-thụ động (năng-sở) cùng mất, Giả nói dựa vào Chân mà không phải quốc độ, hướng hồ vô số thế giới (Sát trần) ngay trong nhau-hòa vào nhau, nhiệm-tĩnh dung hòa đan xen, sự rộng khắp mọi nơi của Giáo viên mãn, khó mà phân ra nơi chốn riêng biệt. Nhưng mà Chân không phải ở ngoài Sự, không làm hỏng chỗ dựa, bởi vì thời gian của không có thời gian trên đây rộng khắp nơi chốn của không phải nơi chốn. Nhưng có nơi nói: “Kinh này thuyết tại Uế độ, bởi vì ở nước Ma-

kiệt-đà...” Có nơi nói: “Thuyết nơi Tịnh độ, bởi vì ở tại Hoa Tạng.” Có nơi nói: “Như Thật nghĩa, thì hai loại thân-độ không có nơi chốn khác nhau nhất định, tức là ở một nơi mà thấy-nghe khác nhau.” Ba nghĩa trên đây, một nghĩa sau là gần với Tông chỉ. Nhưng nơi chốn thuyết về kinh này, Tịnh và uế không ngăn ngại, mở rộng và hạn chế xuyên suốt với nhau, đều có hai loại bốn câu phân biệt.

Đầu là trong Tịnh và uế: a) Hoặc là chỉ riêng nhiễm; b) hoặc là chỉ riêng tịnh. Như hai nghĩa trước đây. c) Hoặc là cả hai, bởi vì Sa-bà bên trong Hoa Tạng; d) Hoặc là phai mờ cả hai, bởi vì tướng của nhiễm-tịnh không còn, cùng chung một pháp giới. Lại: a) Hoặc là chỉ riêng nhiễm, bởi vì tướng tịnh che phủ ở Ma-kiệt-đà...; b) Hoặc là chỉ riêng tịnh, bởi vì mặt đất Kim cang không còn tướng nhiễm; c) Hoặc là cả hai, bởi vì ẩn-hiện không ngăn ngại; d) Hoặc là không phải cả hai, bởi vì đều so sánh làm mất lẫn nhau, không còn hai tướng.

Tiếp đến trình bày về hai loại bốn câu phân biệt của mở rộng và hạn chế xuyên suốt với nhau: a) Hoặc là hạn chế, bởi vì một thế giới này; b) Hoặc là mở rộng, bởi vì bao gồm mười phương; c) Hoặc là cả hai, bởi vì ngay nơi này tức là khắp nơi; d) Hoặc là phai mờ, bởi vì không còn hai tướng. Lại: a) Hoặc là hạn chế, bởi vì thế giới này thâm nhiếp tất cả; b) Hoặc là mở rộng, bởi vì nơi này hòa vào tất cả; c) Hoặc là cả hai, bởi vì ngay nơi này thâm nhiếp tức là tất cả; d) Hoặc là phai mờ, bởi vì không còn tướng so sánh làm mất đi. Lại dùng một mảy trần để ví dụ quốc độ, cũng có bốn câu phân biệt, có thể biết.

Nếu từ hạn hẹp đến rộng rãi, thì sơ lược hiển bày về mười Xứ: 1. Bảy Xứ chín Hội ở cõi Diêm-phù-đề này mà có khắp pháp giới, như phẩm Thăng Tu Di nói. 2. Một thế giới cùng chủng loại có khắp trăm ức, cũng có khắp pháp giới, như phẩm Quang Minh Giác nói. 3. Có khắp quốc độ khác chủng loại như hình dạng-cây cối... 4. Có khắp chủng loại quốc độ. 5. Có khắp thế giới Hoa Tạng. 6. Có khắp những sát hải khác, giống như chủng loại hay là quốc độ. 7. Có khắp vô số quốc độ thuộc sáu loại trước, đều có quốc độ cùng chủng loại-khác chủng loại. 8. Tận cùng pháp giới hư không, chứa đựng nơi mỗi một mảy lông, đều có vô biên sát hải. 9. Giống như lưới giăng của Đế Thích. 10. Giống như những vị Phật khác.

Nhưng mà mười loại trên đây, mỗi một loại đều có khắp pháp giới, mà chín loại trước chính là nơi chốn thuyết pháp của Phật Tỳ-lô-giá-na. Nhưng nói về nơi chốn như Thập Trụ..., tuy là đều có khắp pháp giới cho đến mảy trần-mảy lông, mà làm môn không giống nhau, cũng

không có gì tạp loạn. Nếu dựa theo Thập Trú và Thập Hạnh..., toàn bộ phần vị thâm nhiếp lẫn nhau, thì đây-kia không có lẫn nhau, đều có khắp pháp giới. Nếu dựa theo các phần vị giúp đỡ lẫn nhau, thì đây-kia có lẫn nhau, cùng có khắp pháp giới. Mỗi một Phẩm-Hội, dựa theo đây mà nhận biết.

Trong mục mười là giống như những vị Phật khác, Đức Phật nơi này đã như vậy thì những vị Phật nơi khác cũng như vậy, cho nên các Hội kết luận về nối thông đều nói: Chư Phật chúng ta cũng thuyết giảng như vậy. Nhưng Chủ và Chủ không nhìn thấy nhau, Bạn và Bạn không nhìn thấy nhau, Chủ và Bạn-Bạn và Chủ thì nhìn thấy lẫn nhau. Nếu không nhìn thấy lẫn nhau, thì tất cả có khắp pháp giới; bởi vì nhìn thấy lẫn nhau, cho nên như nhau có khắp pháp giới, cũng không có gì tạp loạn, cũng không có gì chướng ngại.

Lại mười Xứ trên đây cùng làm duyên khởi, nêu ra một Xứ thì thu nhận toàn bộ, bởi vì mỗi một Xứ phù hợp với pháp tánh, mà tùy theo mỗi một Thời trước đây đều có khắp các Xứ này. Lại tùy theo mỗi một Xứ đều đầy đủ các Thời trước đây, lập tức thuyết giảng về kinh này. Đây là hãy còn dựa theo Khí thế gian mà nói. Nếu dựa theo Trí chánh giác thế gian và Chúng sinh thế gian, thì mỗi một lỗ chân lông-mỗi một bộ phận nơi thân Phật, đều thâm nhiếp quốc độ trùng trùng vô tận. Mỗi một Phổ Hiền-mỗi một chúng sinh đều như vậy, đều là nơi chốn thuyết kinh của Phật Tỳ-lô-giá-na.

Ba: Dựa vào Hội chủ (Chủ): Nói đến Chân thân mệnh mang với với, thì Thế ấy hợp với pháp giới; bao quát không có gì ở ngoài, thì Dụng ấy sánh với vạn hóa, tận cùng nguồn cội không hai, giữ lấy dấu tích nhiều loại, một thân-nhiều thân, kinh luận giải thích khác nhau. Nay thuyết giảng kinh này, Phật là Chân-là Ứng, là một-là nhiều.

Nếu nói là Chân, thì sao gọi là Thích-ca, ở tại thế giới Sa-bà, người-trời cùng nhìn thấy? Nếu nói là Ứng, thì sao nói là Giá-na, ở nơi Liên Hoa Tạng, Đại Bồ-tát nhìn thấy, nhìn thấy Pháp thân của Phật? Nếu nói là một, thì vì sao ở nhiều nơi riêng biệt hiện rõ? Nếu nói là khác, thì vì sao lại nói nhưng mà không phân thân? Vì vậy Phật thuyết giảng kinh này đều không phải như trước nói, tức là thân mây vô tận pháp giới (Pháp giới vô tận thân vân). Chân-Ứng dung thông với nhau, một-nhiều không có ngăn ngại, ngay nơi Tỳ-lô-giá-na vốn chính là Thích-ca, thường ở Xứ này vốn chính là Xứ khác, xa ở phương khác mà luôn luôn an trú nơi này. Thân không phân ra khác nhau, cũng không phải là một, cùng chung Thời mà khác Xứ, một thân viên mãn đều hoàn

toàn hiện rõ, tất cả Bồ-tát vốn không thể nào nghĩ bàn.

Nay trước là trình bày về mười Thân, sau là làm sáng tỏ về vô ngại.

Nói về mười Thân, đương nhiên có hai nghĩa: Một. Dựa theo dung thông ba thế gian làm mười Thân: 1. Thân Chúng sinh; 2. Thân Quốc độ; 3. Thân Nghiệp báo; 4. Thân Thanh văn; 5. Thân Duyên giác; 6. Thân Bồ-tát; 7. Thân Như Lai; 8. Thân Trí tuệ; 9. Thân Pháp giới; 10. Thân Hư không. Hai. Dựa vào trong Phật, đương nhiên có mười Thân: 1. Thân Bồ-đề; 2. Thân Nguyên lực; 3. Thân Ứng hóa; 4. Thân Lực trì; 5. Thân Tướng hảo trang nghiêm; 6. Thân Uy thế; 7. Thân Ý sinh; 8. Thân Phước đức; 9. Thân Pháp giới; 10. Thân Trí tuệ. Mở rộng hiển bày về tướng của mười thân như Địa thứ tám, và phẩm Ly Thế Gian phân rõ.

- Nói về vô ngại, tóm lược có mười nghĩa: 1. Dụng rộng khắp vô ngại, nghĩa là ở phần niệm-kiếp-sát trần... trên đây, Phật Tỳ-lô-giá-na hiện rõ thân mây pháp giới, nghiệp dụng vô biên đều rộng khắp, kinh nói: “Như nhìn thấy Phật an tọa ở nơi này, trong tất cả mảy trần cũng đều như vậy...” Văn nói về điều ấy không phải một. 2. Tướng rộng khắp vô ngại, nghĩa là ở trong Dụng sai biệt trên đây, vốn đều thâm nhiếp tất cả nghiệp dụng. 3. Tịch và Dụng vô ngại, bởi vì không có thành tựu riêng. 4. Dựa vào và phát khởi vô ngại, không có tâm mà lập tức hiện rõ, vốn là lực của Hải Ấn. 5. Chân và Ứng vô ngại, bởi vì Ứng tức là giống như pháp bình đẳng cùng một vị. 6. Từng phần và tròn vẹn vô ngại, bởi vì mỗi một phần thân đã đầy đủ toàn thân. 7. Nhân và quả vô ngại, bởi vì không ngăn ngại mà hiện rõ nhân. 8. Y và Chánh vô ngại, bởi vì không ngăn ngại mà hiện rõ Y báo. 9. Kín đáo và hòa vào vô ngại, bởi vì hòa vào chúng sinh giới giống như Như Lai Tạng, tuy làm chúng sinh mà không mất đi tự tánh. Vì vậy phẩm Xuất Hiện nói: “Trí Phật kín đáo hòa vào tâm chúng sinh.” Lại nói: “Trong tâm của chúng sinh có Phật, thành tựu Chánh Đẳng Giác, lại cũng thâm nhiếp tất cả chúng sinh, khéo léo hóa hiện ở trong một lỗ chân lông. Thiên Vương nói: Ông nên quán sát một lỗ chân lông của Phật, tất cả chúng sinh đều ở trong đó...” 10. Viên thông vô ngại, nghĩa là thân Phật này tức là Lý-tức là Sự, tức là một-tức là nhiều, tức là Y-tức là Chánh, tức là Người-tức là Pháp, tức là đây-tức là kia, tức là tình-tức là phi tình, tức là sâu-tức là rộng, tức là nhân-tức là quả, tức là ba thân-tức là mười Thân, cùng chung một thân mây pháp giới vô ngại. Bởi vì thân mây này có khắp Thời-Xứ trước đây, thường xuyên thuyết giảng Hoa Nghiêm, thì biết hoặc nói đến Báo thân ở cõi Sắc Cứu Cánh, là dựa theo Nhiếp Báo

mà nói; hoặc nói đến Báo thân ở những Tịnh độ khác, là dựa theo Dẫn Nhiếp mà nói; hoặc nói đến Lô-xá-na an tọa nơi hoa sen ngàn cánh, là thâm nhiếp hai Địa mà nói; hoặc nói đến Đẳng Địa mới thấy, là dựa theo căn cơ thù thắng mà nói; hoặc phân ra ba loại khác nhau, là thuận theo Thể-Tướng-Dụng mà nói. Tất cả đều không phải là nghĩa chân thật của kinh này. Giả sử phân ra ba thân-mười thân không giống nhau, thì cũng là Quyền-Thật so sánh mà nói. Nếu không dung thông với nghĩa trước đây, thì cũng mất đi tông chỉ của kinh.

Bốn: Dựa vào Tam-muội: Nói đến động-tĩnh thì chỉ riêng chúng sinh, bậc Thánh lẽ nào như vậy hay sao? Nêu rõ quy phạm cho đệ tử về sau, trình bày sắp có thuyết giảng, nhất định phải yên lặng xét kỹ về lý trước đây, được chư Phật gia hộ, từ trong Định đứng lên mà phát ra lời nói, lời nói chắc chắn chính xác thích hợp. Bởi vì lời nói chắc chắn chính xác thích hợp, cho nên tâm của người tiếp nhận, tự nhiên dốc lòng hưởng về. Vì vậy ở các Hội, phần nhiều trình bày về nhập Định, làm duyên thuyết giảng của kinh. Có Hội không nhập Định, đến văn sẽ trình bày. Đã nhập Định ấy, đều là tận cùng nguồn cội của pháp, nghiệp dụng khó mà nghĩ bàn.

Năm: Dựa vào tướng hiện rõ: Nghĩa là pháp tánh vắng vẻ trống trải, tuy không có các tướng, tướng là Vô tướng, mà không ngăn ngại phát triển nhiều thêm. Giáo pháp khởi có nhiều cách, Tướng không phải là một chuẩn mực. Hoặc là phát ra ánh sáng, làm rung động quốc độ; hoặc là mưa hoa-mây hương, đều làm phát khởi. Vì vậy trong các Hội, sắp sửa thuyết pháp thì phần nhiều trước là phát ra ánh sáng, bao gồm biểu thị cho ánh sáng của trí tuệ, bởi vì che phủ chúng sinh. Nhưng có hai loại: a) Ánh sáng không làm hồng thứ tự, bởi vì tùy theo phần vị mà tăng thêm vi tế; b) Ánh sáng viên thông không có gì ngăn ngại, bởi vì tùy theo mỗi một ánh sáng đều kết hợp thông suốt, tùy theo nơi phát ra khác nhau. Tổng quát có mười loại ánh sáng, đều có những biểu hiện, đến văn sẽ biết. Mặt đất rung động..., phần nhiều ở sau thuyết giảng, bởi vì chỉ là vui mừng được nghe. Như trong Thập Địa, tuy trước là vui mừng, mà nghĩa bao gồm phát khởi phần sau, tức là duyên của Giáo.

Sáu: Dựa vào người thuyết giảng: Pháp không có hưng-phế, làm cho lớn mạnh là nhờ vào con người. Văn sau nói: “Phật pháp không có người thuyết giảng, tuy trí tuệ mà không thể hiểu.” Nay ở đây có thể thuyết giảng, bao gồm ba thế gian. Tách ra thì trở thành năm, đó là Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Chúng sinh và Khí thế gian. Lại tách ra làm mười, đó là cộng thêm ba đời, vi trần và lỗ chân lông, bởi vì Khí

thế gian và chúng sinh đều có từng phần và trọn vẹn. Lỗ chân lông-vì trần tức là nói về từng phần. Trên đây là những thuyết giảng, vốn bao gồm ba đời, cho nên phẩm Phổ Hiền Hạnh nói: “Phật thuyết giảng-chúng sinh thuyết giảng, cho đến dùng quốc độ thuyết giảng, ba đời đều thuyết giảng như vậy...” Mở rộng thì vô lượng, bởi vì trong phẩm Pháp Giới tương tự không phải là một. Như các phẩm A Tăng Kỳ-Tùy Hảo, tức là Phật thuyết giảng. Những Hội còn lại, phần nhiều là Bồ-tát thuyết giảng. Đầu phẩm Pháp Giới, có Thanh văn thuyết giảng. Các Thiện hữu... phần nhiều là Bồ-tát thuyết giảng, cũng gọi là chúng sinh thuyết giảng. Cây Bồ-đề... tức là Khí thế gian thuyết giảng. Đến văn sẽ nhận biết. Người có thể thuyết giảng ấy dùng pháp không giống nhau, hoặc dùng âm thanh, hoặc dùng sắc tướng vi diệu..., như trong phần Thế của Giáo phân rõ.

Bảy: Dựa vào người nghe: Tử Kỳ nói: “Bá Nha mất thì bỏ chơi đàn.” Nếu không có người nghe, thì cuối cùng không có người thuyết giảng. Ngay nơi các chúng sau, tóm lược có mười loại, đến văn sẽ trình bày. Trừ ra chúng Đương Cơ, chúng còn lại đều là duyên.

Tám: Dựa vào nguồn gốc của đức: Sông có châu báu mà không khô cạn, núi có ngọc quý mà càng tươi tốt. Bên trong không có nguồn gốc của đức, bên ngoài lẽ nào có thể bàn luận hay sao? Nhưng chỉ dựa theo người thuyết giảng, trước là con người, ở đây vốn là pháp. Sơ lược có hai loại: 1. Trí tuệ thật là đứng đầu, vì vậy chư Phật mười phương nói cho Bồ-tát Kim Cang Tràng biết rằng: “Và nhờ vào trí tuệ thanh tịnh của ông.” Chư Phật mười phương nói cho Bồ-tát Kim Cang Tạng biết rằng: “Cũng vốn là trí lực thù thắng của ông.” 2. Lực của hạnh nguyện khác, chư Phật mười phương nói cho Bồ-tát Phổ Hiền biết rằng: “Cũng bởi vì lực của tất cả các hạnh nguyện mà ông tu tập.” Chư Phật mười phương nói cho Bồ-tát Pháp Tuệ biết rằng: “Và do lực của các thiện căn mà ông đã tu tập, khiến cho ông tiến vào Tam-muội này, mà thuyết giảng Chánh pháp.” Nếu cơ cảm thì đó là thiện căn, nếu Hóa chủ thì đó là hạnh nguyện, đều thuộc về nhân của thuyết giảng.

Chín: Dựa vào người thưa thỉnh: Nếu dựa theo Từ Bi sâu dày, thì cũng có lúc không có thưa hỏi mà tự mình giảng nói. Nếu dựa theo cung kính pháp-tôn trọng người, thì cần phải chân thành thưa thỉnh rồi sau mới thuyết giảng. Tâm ban đầu vốn kiến thức còn mờ mịt, chưa hiểu rõ về thưa hỏi-thỉnh cầu; Trí bậc Thượng vốn Từ Bi, vượt lên nghi ngờ mở đường thưa thỉnh. Nhưng có hai loại: 1. Ngôn từ thưa thỉnh; 2. Nghĩ đến thưa thỉnh. Các Hội có và không có, đến phẩm Hiện Tướng sẽ phân

rõ.

Mười: Dựa vào người gia hộ: Nói đến Thánh thì không thường xuyên ứng hiện, ứng hiện thì phải đích xác. Tâm sâu xa đến cuối cùng, cho nên cảm được Phật gia hộ. Nhưng nếu Phật tự mình thuyết giảng thì không đợi gia hộ. Như Hội thứ chín, dựa vào người mà có thuyết giảng, cần phải nhờ vào bậc trên gia hộ. Ở Hội thứ tám, hành dựa vào pháp mà tu tập, bởi vì không khác với trước, cho nên lược qua không có gia hộ. Hội thứ hai-thứ bảy không nhập Định, cho nên không có gia hộ, những Hội còn lại đều có đủ. Nguyên cơ gia hộ, vốn là muốn hiển bày về chư Phật cùng gia hộ, tức là cùng thuyết giảng, bởi vì một thuyết giảng thì tất cả thuyết giảng; cũng là hiển bày về quả hải không có ngôn từ, dựa vào tướng mà có thể thuyết giảng. Nếu như vậy thì các phẩm A Tăng Kỳ-Tùy Hảo lẽ ra không phải tất cả? Bởi vì biểu thị cho vi tế khó nhận biết, bởi vì vượt ra ngoài nhân quả, nhưng mà thi thiết không giống nhau, không thuận theo một chuẩn mực. Gia hộ có hai loại: 1. Biểu hiện gia hộ, đầy đủ ở ba nghiệp; 2. Bí mật gia hộ, chỉ trao cho Trí để thuyết giảng. Ở pháp đường Phổ Quang và phẩm Pháp Giới, không có biểu hiện mà có bí mật, những Hội còn lại đều đầy đủ hai loại, bởi vì biểu hiện chắc chắn có bí mật, còn lại đến phần sau sẽ trình bày. Phần nhân duyên phát khởi của Giáo, xong.

Thứ hai: Nơi thâm nhiếp của Tạng và Giáo. Trong phần này có hai: Trước là Tạng thâm nhiếp, sau là Giáo thâm nhiếp.

Trong phần trước cũng có hai: Một. Tạng; Hai. Thâm nhiếp.

Phần một là Tạng: Tạng nghĩa là ba Tạng-hai Tạng. Tổng quát gọi là Tạng, bởi vì hàm chứa thâm nhiếp. Nhiếp Luận quyển thứ nhất của Thế Thân, luận Trang Nghiêm quyển thứ tư, đều nói đến ba Tạng và hai Tạng ấy: “Vì sao gọi là Tạng? Đáp rằng: Bởi vì thâm nhiếp, nghĩa là thâm nhiếp tất cả các nghĩa cần phải biết, thâm nhiếp tức là bao hàm.”

Một là nói về ba Tạng: 1. Tạng Tu-đa-la (Kinh); 2. Tạng Tỳ-nại-da (Luật); 3. Tạng A-tỳ-đạt-ma (Luận).

1) **Tạng Tu-đa-la:** Trước là phân rõ về tên gọi; sau là hiển bày về tướng.

Phần trước là phân rõ về tên gọi: Cũng gọi là Tu-đổ-lộ, cũng gọi là Tố-đát-lãm, đây đều là Phạn âm của Sở-Hạ, xưa dịch là Khế kinh, trong Trí Luận gọi là Kinh tạng. Khế nghĩa là Khế lý-Khế cơ, Kinh nghĩa là quán xuyên-nhiếp hóa, tức là Kinh của Khế lý-Hợp cơ, dựa vào Chủ mà tiếp nhận tên gọi. Khế kinh tức là Tạng, thuộc về Trì nghiệp thích. Lại nói: Đích thực phiên ra gọi là Tuyến (sợi chỉ),

sợi chỉ có thể nối liền những đóa hoa, Kinh (sợi dọc) có thể giữ lấy Vĩ (sợi ngang). Phương này không coi trọng chữ Tuyến, cho nên giữ lại chữ Kinh.

Có nơi nói: Dựa vào năm xứ Ấn Độ, gọi là Tuyến-Tịch Kinh-Tĩnh Sách-Thánh giáo, đều nói là Tu-đa-la, thì Kinh chính là Địch Đối (đối địch), gạt bỏ đối với Cổ đức, Kinh không phải là Địch Đối. Nay lại nói rõ điều ấy: Nếu một tên gọi mà bốn sự thật đều là Địch Đối, thì xưa giống như đã bị phá bỏ. Nếu gồm đủ nghĩa thuận, thì Kinh tự nhiên thuộc về Tịch Kinh, Địch Đối nên gọi là Thánh giáo. Vì vậy Lương Nhiếp Luận dịch là Thánh giáo, luận ấy nói: “Có A-tỳ-đạt-ma, không phải là Thánh giáo, bởi vì làm thành Thánh giáo, cho nên thêm vào tên gọi Tu-đa-la. Cổ đức thấy Nho-Mặc này đều xưng là Kinh, liền mượn Tịch Kinh ấy, dùng làm đề mục Thánh giáo, thì hàm chứa song song hai nghĩa, đều thuận với hai phương. Mượn nghĩa giúp cho tên gọi, lại thêm vào chữ Khế, lựa chọn khác với Tịch Kinh, thật là thỏa đáng.

Phần sau là hiển bày về Tướng: Bốn tên gọi của Tây Vực, đề mục tuy khác, mà ý nghĩa tương tự, cho nên cùng gọi là Tu-đa-la, mà Thánh giáo phần nhiều hàm chứa đầy đủ ba nghĩa trên, cho nên luận Tạp Tâm nói: “Kinh có năm nghĩa: Một là Dũng tuyền; Hai là Xuất sinh; Ba là Hiển thị; Bốn là Thăng mặc; năm là Kết man.” Dũng tuyền là tuôn chảy mãi mà không khô cạn; Xuất sinh là lần lượt chuyển đổi phát sinh nhiều thêm, nghĩa giống như Tĩnh Sách, bởi vì có cất nhắc(cấp dẫn); Hiển thị chính là Thánh giáo, bởi vì hiển bày về Sự-Lý; Thăng mặc là phân định về Chánh-Tà, cũng là Thăng lấy làm Kinh, có thể giữ lấy đối với Vĩ, giống như nghĩa của Tịch Kinh; Kết man giống như Tuyến, Tuyến là sợi chỉ có thể nối liền những đóa hoa, kết thành vòng hoa. Toàn bộ năm nghĩa trên, không ra ngoài nghĩa nối liền thâm nhiếp, vì vậy trong luận Phật Địa quyển thứ nhất nói: “Có thể nối liền-có thể thâm nhiếp cho nên gọi là Kinh, dùng Thánh giáo của Phật nối liền xuyên suốt (quán xuyên) thâm nhiếp duy trì (nhiếp trì) nghĩa lý cần phải thuyết giảng để giáo hóa chúng sinh. Đây hoặc là nối liền thâm nhiếp bao gồm nghĩa lý đã thuyết giảng-chúng sinh đã giáo hóa, hoặc là nối liền xuyên suốt các tướng của pháp, thâm nhiếp duy trì chúng sinh đã giáo hóa.” Lại trong Nhiếp Luận của Thế Thân giải thích về nối liền xuyên suốt: “Nghĩa là có thể nối liền xuyên suốt vốn là Y-vốn là Tướng-vốn là Pháp-vốn là Nghĩa. Y là nói dựa vào nơi này, từ nơi này, vì nơi này mà có những điều thuyết giảng. Tướng là nói về tướng của Thế tục đế, tướng của Thắng nghĩa đế. Pháp là nói về Uẩn-Giới-Xứ, Duyên khởi đế, Thực,

Tĩnh lực, Vô lượng, Vô sắc, Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ, Bồ-đề phần, Vô ngại giải, Vô tranh... Nghĩa là thuyết giảng tùy thuận với ý bí mật...” Luận Du Già quyển thứ 25, luận Hiển Dương quyển thứ 20, phần lớn giống như ở đây nói, nghĩa còn lại đến trong phần 12 sẽ trình bày.

2) **Tạng Tỳ-nại-da:** Đầu là phân rõ về tên gọi; sau là hiển bày về tướng.

Trong phần đầu là phân rõ về tên gọi: Cũng gọi là Tỳ-ni, tên gọi giản lược của tiếng Phạn mà thôi. Trung Hoa dịch là Điều Phục, nghĩa là điều luyện đối với ba nghiệp, chế phục lỗi lầm sai trái. Điều luyện bao gồm ngăn chặn-thực hiện (chỉ tác), Chế phục chỉ trình bày về ngăn chặn điều ác (chỉ ác). Dựa vào hành đã giải thích (sở thuyên) làm sáng tỏ về tên gọi, tức là Tạng của Điều phục; hoặc là Tạng có thể giải thích (năng thuyên), có công năng của điều phục, tức là Hữu tài thích. Trong Tạng của Khế kinh tương tự có cách giải thích này.

Tỳ-ni hoặc dịch là Diệt. Diệt có ba nghĩa: 1. Diệt trừ nghiệp sai trái; 2. Diệt trừ các phiền não; 3. Đạt được quả của diệt trừ. Hoặc gọi là Thi-la, nói đầy đủ là Sí-đát-la, Trung Hoa nói là Thanh Lương, bởi vì lìa xa nhân của nóng bức phiền muộn (nhiệt não), đạt được quả trong lành mát mẻ (thanh lương). Cũng gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, Trung Hoa nói là Biệt Giải Thoát, đây là dựa vào nhân có được tên gọi. Nhưng có hai nghĩa: 1. Chọn lấy Đạo nhất định khác nhau, gọi đó là Biệt; 2. Ba nghiệp và bảy chi, tất cả đều ngăn ngừa sai trái, cho nên gọi là Biệt. Cũng dịch là Tùy thuận giải thoát, đây là dựa vào quả mà thiết lập, bởi vì tùy thuận hai loại quả Giải thoát Hữu vi-Vô vi. Cũng gọi là Tánh thiện, như luật Thập Tụng. Cũng gọi là Thủ tín, bởi vì như xưa đã thọ mà thật sự có thể giữ gìn.

Phần sau là hiển bày về tướng: Trong tên gọi trước đây đã hàm chứa ngăn chặn-thực hiện, tức là tướng của Tỳ-ni. Nếu riêng biệt giải thích, thì như Nhiếp Luận của Thế Thân nói: “Tỳ-nại-da có bốn nghĩa, đó là bởi vì Phạm tội, bởi vì Đẳng khởi, bởi vì Hoàn tịnh, bởi vì Xuất ly.” Rộng ra như luận ấy nói.

3) **Tạng A-tỳ-đạt-ma:** A-tỳ gọi là Đối, Đạt-ma nói là Pháp.

Pháp có hai loại: Một là Pháp thuộc về Thắng nghĩa, đó chính là Niết-bàn, bởi vì là Thiện-là Thường, cho nên gọi là Thắng. Hai là Pháp thuộc về Pháp tướng, bao gồm bốn Thánh Đế; Tướng là tánh, là hình dạng, cả hai đều gọi là Tướng.

Pháp đã có hai thì Đối cũng có hai nghĩa: Một là Đối hướng, nghĩa là hướng đến Niết-bàn trước đây. Hai là Đối quán, nghĩa là quán sát về

bốn Đế trước đây. Đối thuộc chủ động (Năng đối) đều là Tuệ thanh tịnh vô lậu, và tâm sở tương ứng... Bởi vì Đối quả-Đối cảnh, cho nên phân ra hai tên gọi về Đối. Tuệ chỉ là Đối mà không phải là Pháp, bởi vì không phải Đối thuộc thụ động (Sở đối).

Nói đến Đối Pháp, bởi vì Pháp là so sánh, cho nên Đối Pháp Tạng đặc biệt gọi là Tuệ Luận. Xưa dịch là Vô Tỷ Pháp, bởi vì giải thích về Tuệ thù thắng. Nhiếp Luận của Thế Thân nói: “A-tỳ Đạt-ma có bốn nghĩa, đó là bởi vì Đối, bởi vì Số, bởi vì Phục, bởi vì Thông.” Nghĩa của Đối giống như trước. Số là bởi vì đối với mỗi một pháp, nhiều lần thuyết giảng mở rộng, giải thích về ngôn từ nghĩa lý, vô lượng sai biệt như Tự tướng-Cộng tướng... Phục là bởi vì nơi Luận này đầy đủ mọi điều..., vốn có thể hơn hẳn làm cho Luận khác phải hàng phục. Thông là bởi vì Luận này có thể bao gồm giải thích nghĩa lý của Tố-đất-lãm. Cũng gọi là Ưu-bà Đề-xá, Trung Hoa nói là Luận Nghị. Cũng gọi là Ma-đát Lý-ca, Trung Hoa nói là Bốn Mẫu, nghĩa là lấy Giáo làm căn bản-làm mẹ cho Nghĩa; cũng nói là Y Tạng-Sinh Giải, Tạng làm mẹ của hiểu biết, Bốn tức là mẹ. Cũng gọi là Ma-di, Trung Hoa nói là Hành Mẫu, bởi vì dựa vào Tạng mà thành tựu Hành, vốn là mẹ của Hành. Nhưng ba Tạng này, dựa theo pháp đã giải thích, tóm lược có hai môn: 1. Khất Tánh thì Kinh giải thích về ba Học, Luật chỉ là Giới học-Tâm học, Luận chỉ là Tuệ học, như trong Nhiếp Luận giải thích. 2. Dựa theo Kiêm Chánh thì trong ba Tạng, Kinh chính là giải thích về Định, Tỳ-ni giải thích về Giới, Luận giải thích về Tuệ, gồm đủ tất cả nối thông cả ba Học.

Kế là trình bày về hai Tạng: 1. Tạng Thanh văn; 2. Tạng Bồ-tát. Tức là dựa vào ba Tạng trước đây, giải thích nêu ra Lý-Hạnh-Quả của Thanh văn, cho nên gọi là Tạng Thanh văn; giải thích nêu ra Lý-Hạnh-Quả của Bồ-tát, cho nên gọi là Tạng Bồ-tát, vì vậy luận Trang Nghiêm quyển thứ bốn nói: “Ba Tạng này do Thừa thượng-hạ mà có sai biệt.” Lại bởi vì Tạng Thanh văn và Tạng Bồ-tát, thâm nhiếp Đại thừa giống như ở đây. Đây là dựa vào Lý-Quả của Nhị thừa, bởi vì giống nhau cho nên hợp lại. Nếu dựa theo Giáo-Hạnh riêng biệt, thì tách biệt Tam thừa mà làm ba Tạng, như kinh Phổ Siêu... Lại bởi vì Duyên giác phần nhiều không dựa vào Giáo, xuất hiện vào thời không có Phật, lúc Phật tại thế thì thâm nhiếp thuộc về Thanh văn, cho nên chỉ phân làm hai, tức là Đại-Tiểu một nửa và đầy đủ không như nhau.

Phần hai là trình bày về thâm nhiếp: Kinh này (Hoa Nghiêm) trong ba Tạng, chính là chỉ riêng Tu-đa-la thâm nhiếp, bao gồm giải thích về hai Tạng còn lại, bởi vì như phẩm Thập Tạng... mở rộng hiển bày về

Giới, như phẩm Vấn Minh... hiển bày về Luận Nghị. Nếu ngay trong Tu-đa-la dùng nghĩa để lựa chọn Giáo, thì chỉ riêng phẩm Thập Tạng thâm nhiếp, bởi vì đầy đủ Chủ-Bạn hiển bày về vô tận, vốn dung thông cả Giáo và Nghĩa. Trong hai Tạng chỉ riêng Tạng Bồ-tát. Nếu phân ra Quyền-Thật, thì chỉ thâm nhiếp một phần của Tạng Bồ-tát, bởi vì không thâm nhiếp về Quyền. Nếu dựa theo nơi này thâm nhiếp, thì cho đến Thanh văn cũng do kinh này thâm nhiếp, bởi vì kinh này có thể bao hàm vô lượng Thừa. Lựa chọn đối với Quyền-Thật, về sau trình bày trong phần Lập giáo. Đã phân rõ về Tạng thâm nhiếp, xong.

Phần sau là trình bày về Giáo thâm nhiếp. Giáo có hai loại: Một là tướng chung, đó là mười hai phần giáo, cũng phân ra Đại-Tiểu, đến phẩm Thập Tạng ở sau phân rõ. Hai là các Tông lập giáo không giống nhau.

Nay sẽ tóm lược giải thích: Nói đến biển Giáo sâu rộng bao la, mây Pháp bao phủ khắp nơi, ánh sáng của Trí không ranh giới, biện giải tuyệt diệu không thể tận cùng. Dùng ngôn từ của Vô ngôn, để giải thích về lý bất dứt ngôn từ; dùng biến hóa của Vô biến, để ứng với cơ không có tận cùng. Kế thừa phần vị cao nhất, phàm tình khó mà lôi kéo. Nay nhờ vào lực của Lý-Giáo, sơ lược đưa ra bốn môn: Một. Đại ý về hợp lại-tách ra; Hai. Những điều trái-thuận của xưa và nay; Ba. Phân tích tông chỉ thiết lập của giáo; Bốn. Tổng quát về tướng kết hợp nối thông.

Một: Đại ý về hợp lại-tách ra: Nói đến sự lưu truyền làm cho lớn mạnh của Tây Vực-Đông Hạ, đối với Thánh ngôn của một thời, hoặc tách ra Tông chỉ-phân tích về Giáo, hoặc trực tiếp giải thích về kinh văn, bởi vì đều hàm chứa được-mất mà thôi. Tạm thời không phân ra, ý tóm lược có năm: 1. Bởi vì Lý vốn cùng một vị, trăm sông về một biển, cho nên không thể phân ra. 2. Một âm thanh mà ứng với khắp nơi, một cơn mưa mà tưới thấm tất cả. 3. Bốn ý của bậc Thánh, vốn là vì một sự việc. 4. Tùy theo mỗi một văn, mà nhiều cách hiểu không giống nhau. 5. Nhiều cách thuyết pháp, mà thành ra nhiều chi phái. Bởi vì năm nghìn năm này, cho nên không thể phân ra. Phân ra thì chính là làm cho tình thức trở thành nhiều nẻo khác nhau, đúng sai tranh nhau dấy lên, vì vậy mà không phân ra là thích hợp.

Sự phân chia về Giáo, cũng có nhiều nghĩa: 1. Lý tuy cùng một vị, mà giải thích có cạn sâu, cho nên cần phải phân ra, khiến cho nhận biết Quyền-Thật. 2. Dựa theo Phật tuy là một âm thanh, dựa vào cơ sai khác mà Giáo khác nhau. 3. Bốn ý chưa nói rõ, tùy theo ý khác mà nói

cho nên có khác nhau. 4. Lời nói có tổng quát và riêng biệt, dựa vào hiển bày mà thuyết giảng. 5. Tuy phân ra Quyền-Thật, nhưng cần phải khéo léo hiểu rõ ý Phật, mà có tách ra hiển bày. Vả lại, lời nói bí mật của vua, vốn là việc làm riêng biệt. Không hiểu biết về Quyền-Thật, lấy sâu làm cạn thì mất đi lợi ích to lớn, lấy cạn làm sâu thì công sức trở thành uổng phí. Thánh giáo trang nghiêm mà khiến cho sâu rộng, bởi vì trong các Thánh giáo tự mình vốn có phần, các Đại Bồ-tát vốn cũng tách ra Giáo. Bởi vì nhiều nghĩa này, phân ra thì được nhiều mà mất ít, hợp lại thì được ít mà mất nhiều. Nhưng có thể quên mình để cầu tìm tông chỉ, không thể phân ra mà phân ra, cũng đâu sai với ý chính, vì vậy nay phân ra.

Hai: Những điều trái-thuận của xưa và nay. Lý do không đầy đủ phân làm hai: Trước là nói về Trung Hoa; sau là trình bày về Tây Vực.

Phần trước là nói về Trung Hoa: Những cách giải thích tuy nhiều, sơ lược nói về mấy người (Gia), gộp lại làm năm môn:

1) Thiết lập Nhất Âm giáo: Nghĩa là Giáo trong một thời của Như Lai, không lìa xa một âm thanh. Nhưng có hai Sư:

Một là Bồ-đề Lưu Chi đời Hậu Ngụy, nói rằng: “Một âm của Như Lai cùng lúc đáp lại vạn cơ, Đại-Tiểu cùng trình bày.”

Hai là Pháp sư La Thập đời Diêu Tần, nói rằng: “Một Viên âm của Phật, bình đẳng không hai, không hề suy nghĩ ứng với tất cả, căn cơ nghe đến tự nhiên khác nhau, không phải cho rằng âm thanh ngôn ngữ vốn trình bày về Đại-Tiểu.” Vì vậy kinh Duy Ma nói: “Phật dùng một âm thanh thuyết giảng giáo pháp, tất cả chúng sinh đều tùy loại mà hiểu.”

Hai Sư trên đây, vị đầu thì âm thanh của Phật vốn có khác nhau, vị sau thì khác nhau tự nhiên thuộc về căn cơ, đều đạt được một nghĩa về Viên âm, nhưng đều là gốc của Giáo, ý không phân ra mà thôi.

2) Thiết lập hai loại giáo, đương nhiên có bốn người:

Một là Tam tạng Đàm Mâu Sấm đời Tây Tần, thiết lập Bán-Mãn giáo, tức Tạng Thanh văn là Bán tự giáo, Tạng Bồ-tát là Mãn tự giáo. Pháp sư Viễn đời Tùy, cũng giống với cách thiết lập này. Đây là văn dựa vào kinh Niết-bàn, đại khái là đối với Tiểu để hiển bày Đại, ý của tương chung, không ở trong Đại mà hiển bày có Quyền-Thật, cũng hàm chứa Bán-Mãn.

Hai là Pháp sư Viễn đời Tùy, thiết lập hai giáo Tiệm-Đốn, nghĩa là dựa theo căn cơ Tiệm ngộ, Đại nhờ vào Tiểu phát khởi, mà thì thiết có đủ Tam thừa, cho nên gọi là Tiệm. Nếu dựa theo căn cơ Đốn ngộ,

thăng thấn hưởng đến Đại, không nhờ vào Tiểu, thì gọi là Đốn. Ở đây tuy dựa theo căn cơ, nói có Tiệm-Đốn, mà pháp đã thuyết thì không ra ngoài Bán-Mãn.

Ba là Pháp sư Ấn đầu đời Đường, cũng thiết lập hai giáo: 1. Khuất Khúc giáo, nghĩa là kinh của Phật Thích-ca, bởi vì lần lượt theo tánh của căn cơ hễ chấp trước thì phá bỏ vương mắc, như Niết-bàn... 2. Bình Đạo giáo, nghĩa là kinh của Phật Lô-xá-na, bởi vì lần lượt theo tánh của pháp mà thuyết giảng tự tại, như kinh Hoa Nghiêm.

Lại hai giáo này sơ lược có bốn điều khác nhau: a) Chủ khác nhau, nghĩa là Hóa thân của Phật Thích-ca, vốn khác với mười thân của Phật Lô-xá-na; b) Xứ khác nhau, nghĩa là tòa cỏ-cây cối ở thế giới Sa-bà, vốn khác với tòa quý báu-cây quý báu... trong thế giới Hoa Tạng; c) Chúng khác nhau, nghĩa là thuyết giảng cho Thanh văn và Bồ-tát, vốn khác với thuyết giảng cho riêng Bồ-tát và cùng chung phần vị cao nhất; d) Thuyết khác nhau, nghĩa là thuyết giảng ở nơi hạn chế, vốn khác với thuyết giảng bao gồm mở rộng mười phương.

Đây là dựa theo nghi thức giáo hóa (Hóa nghi) để phân định. Nhưng kinh Hoa Nghiêm tuy có thuận theo các chúng sinh điều phục khác nhau, mà đều là khéo léo xứng với tánh, trong một lúc lập tức thuyết giảng; kinh Niết-bàn... tuy thuyết giảng về một phần vị cuối cùng, mà hoặc là đối với Quyền để hiển bày Thật, hoặc là hội tụ khác nhau đưa về giống nhau, tất cả Như Lai hoặc là thuyết giảng hay không thuyết giảng, cho nên nói là Khuất Khúc. Dựa theo Phật Thích-ca làm Chủ, thì không hiển bày về mười thân; mười thân làm Chủ, chắc chắn vốn có Phật Thích-ca. Nơi chốn của thế giới Sa-bà, không dung thông thế giới Hoa Tạng; nơi chốn của thế giới Hoa Tạng, chắc chắn dung thông thế giới Sa-bà. Sơ lược nói về bốn điều khác nhau, khác nhau thì thật sự có nhiều, đích xác như đã phân định, nhưng bởi vì nội dung của Khuất Khúc, không hiển bày về Quyền-Thật của pháp mà thôi.

Bốn là Ấn sĩ Lưu Cù đời Tề, cũng thiết lập hai giáo Tiệm-Đốn, nghĩa là kinh Hoa Nghiêm gọi là Đốn giáo, các kinh còn lại đều gọi là Tiệm giáo. Bắt đầu từ Lộc Uyển, cuối cùng ở tại Song Lâm, vốn là từ Tiểu đến Đại. Nhưng kinh này, như mặt trời mới mọc lên, trước hết soi chiếu núi cao, tức là nghĩa của Đốn; rỗng hiển từ tuôn mưa xuống để chứng minh, là nghĩa của Tiệm, đối với lý thích hợp như vậy. Tiệm giáo dựa theo năm Thời, thứ tự về sau sẽ phân rõ.

3) Thiết lập ba loại giáo, cũng có ba người:

Một là các Sư ở Nam Trung, cùng thiết lập ba giáo, nghĩa là đối

với Tiệm-Đốn trước đây, thêm vào Bất Định giáo. Bởi vì trong Tiệm, trước là Tiểu-sau là Đại, mà kinh Ưng Quật đã thuyết trong sáu năm. Bởi vì ngăn chặn vấn nạn này, cho nên thiết lập Bất Định giáo, nghĩa là có riêng một kinh, tuy không phải Đốn giáo thấu nhiếp, mà trình bày về Phật tánh thường trú, tức là kinh Thắng Man-Kim Quang Minh..., đó là phương thuốc của Bất Định giáo.

Khai-Hợp trong Tiệm giáo, thì các Sư không giống nhau.

Hoặc chỉ phân làm hai, tức là Bán-Mãn.

Hoặc phân làm ba, tức là Pháp sư Ngập ở núi Vũ Khâu, nói là mười hai năm trước, thấy Hữu mà đạt được đạo, gọi là Hữu Tướng giáo; mười hai năm sau, cùng đến Pháp Hoa, thấy Không mà đạt được đạo, gọi là Vô Tướng giáo; cuối cùng soi chiếu cả hai, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Xiển-đề làm Phật, gọi là Thường Trú giáo. Điều này cùng với ba thời giáo của Tam tạng đời Đường, giống nhau trên đại thể, đến trong phần nói về Tây Vực sẽ giải thích. Tam tạng Chân Đế, dựa vào kinh Kim Quang Minh, thiết lập về giáo thuộc ba Luân là Chuyển-Chiếu-Trì, cũng giống nhau trên đại thể ở chỗ này, mà chỉ khác nhau ở chi tiết thuộc thời gian, nghĩa là bảy năm trước thuyết về Tứ Đế, gọi là Chuyển pháp luân; bảy năm sau thuyết về Bát-nhã vốn có hai Luân là Chuyển-Chiếu, dùng Không mà soi chiếu Hữu; ba mươi năm sau có đủ ba Luân là Chuyển-Chiếu-Trì, dùng Không-Hữu đồng thời soi chiếu để duy trì hai loại trước.

Hoặc phân làm bốn, tức là Pháp sư Ngập đời Tống, nói là đối với ba thời trước đây, sau Vô Tướng giáo, trước Thường Trú giáo, chỉ về kinh Pháp Hoa, làm Đồng Quy giáo, bởi vì hội tụ ba đưa về một, vạn thiện đều hướng về Bồ-đề.

Hoặc tách ra làm năm, nhưng có hai người: Một là Tuệ Quán... ở chùa Đạo Tràng, ở sau Vô Tướng giáo, trước Đồng Quy giáo, chỉ về kinh Tịnh Danh-Tư Ích..., làm Ưc Dương giáo. Hai là chính Ấn sĩ Lưu Cù trước đây, không tách ra Ưc Dương giáo, mà bắt đầu của Hữu Tướng giáo, chọn lấy kinh Đề Vị, làm Nhân Thiên giáo.

Các Sư trên đây, đều ở trong Tiệm giáo, dựa theo thời gian tách ra khác nhau, nếu không thêm vào Bất Định giáo, thì dẫn đến rất nhiều vấn nạn. Bởi vì Thời thứ nhất vốn có Đại, tuy thêm vào Bất Định giáo, mà hãy còn có vấn nạn làm trở ngại. Sơ lược hiển bày về trở ngại của năm Thời, phần còn lại có thể ví dụ nhận biết.

Bắt đầu trình bày về mười hai năm trước là Hữu Tướng giáo, tự nhiên trái với Thành Luận, trong Thành Luận nói: “Ta nay chính thức

trình bày về Thật nghĩa trong ba Tạng, Thật nghĩa tức là Không.” Lại trong kinh A Hàm nói: “Không có pháp già bệnh, tức là Pháp Không; không có ai già bệnh, tức là Sinh Không.” Lại trong Trí Luận nói: “Trong ba Tạng trình bày về Pháp Không là Đại Không, trong Ma Ha Diễn trình bày về mười phương Không là Đại Không, đều hiển bày về Tiểu thừa đã có hai Không.”

Nếu nói là Thời thứ hai thuyết về Không, mười hai năm sau mới chế ra nhiều Giới, thì lẽ nào chỉ thuyết về Không? Lại trong Trí Luận nói: “Từ đê-m đạt được Đạo, cho đến Niết-bàn, thường xuyên thuyết về Bát-nhã.” Lẽ nào trước đó không thuyết về Không?

Nếu nói là trong Thời thứ hai chưa hiển bày về Thường Trú giáo, thì Thật tướng Bát-nhã lẽ nào Vô thường hay sao? Kinh Niết-bàn cũng thuyết về Phật tánh, cũng gọi là Bát-nhã, thì biết Thật tướng Bát-nhã tức là Chánh nhân Phật tánh, Quán chiếu Bát-nhã tức là Liễu nhân Phật tánh. Lại trong Bát-nhã lia xa bốn câu phân biệt, đâu đã từng giữ lại Không? Bát-nhã không làm hỏng bốn câu phân biệt, lẽ nào không có Diệu Hữu hay sao? Vậy thì biết Tiểu-Đại đều có bốn môn, mà chỉ nói bắt đầu là Hữu-tiếp theo là Không, đều đạt được ý của một môn mà thôi.

Nếu nói là trong Thời thứ ba chỉ gọi là Ưc Dương giáo cũng không phải Thường, thì trong kinh Tịnh Danh nói: “Thân Phật vô vi không thuộc về các số lượng, như quán về Thật tướng của thân, quán về Phật cũng như vậy.” Lẽ nào Vô thường hay sao? Trong kinh Bát Nhã cũng nói: “Trí tuệ của Nhị thừa, giống như ánh sáng của đom đóm; trí học trong một ngày của Bồ-tát, như sự chiếu sáng của mặt trời...” Lẽ nào không phải là Ưc dương?

Nếu nói trong Thời thứ tư chỉ hiển bày về Đồng Quy giáo cũng chưa trình bày về Thường, thì phẩm Thọ Lượng nói: “Thường trú bất diệt.” Lại phẩm Phương Tiện nói: “Tướng thế gian thường trú.” Lẽ nào Vô thường hay sao?

Nếu nói trong Thời thứ năm, lấy kinh Niết-bàn làm Thường Trú giáo, thì ngay Giáo ấy có thể như vậy, mà Thời của Niết-bàn cũng thấy có Tiểu thừa, bởi vì như trong kinh A Hàm nói về tướng Niết-bàn của Như Lai.

Nếu lấy Nhân Thiên giáo làm đầu tiên, thì kinh Đề Vị tuy nói về Giới thiện-đạt được đạo, mà đều bao gồm Tam thừa, bởi vì kinh ấy nói: “Đề Vị đạt được pháp nhãn không dấy khởi.” Lại trái với trong kinh Mật Tích: “Bảy ngày thứ hai vốn thuyết về Tam thừa.”

Nhưng năm Thời... trên đây, đều bởi vì dựa theo thời gian để xác định, thì có những trái ngược, chọn-bỏ không nhất định, thuận theo phần nhiều mà nói thì cũng còn có lý.

Hai là Luật sư Quang Thống đời Hậu Ngụy, tiếp theo Tam tạng Phật-đà, cũng thiết lập ba giáo, đó là Tiệm-Đốn và Viên giáo: 1. Bởi vì căn cơ chưa thuần thực, trước nói về Vô thường, sau mới nói về Thường, trước là Không-sau là Bất Không..., theo thứ tự như vậy, cho nên gọi là Tiệm. 2. Bởi vì căn cơ đã thuần thực, từ một pháp môn, nói mở rộng đầy đủ về Thường-Vô thường, Không-Bất Không..., nói đầy đủ tất cả, lại không có gì là Tiệm, cho nên gọi là Đốn. 3. Bởi vì căn cơ thông hiểu lên phía trên đối với phạm vi tầng bậc cảnh giới của Phật, thì nói về pháp môn tự tại-bí mật-viên mãn thuộc quả đức cứu cánh-giải thoát-vô ngại của Như Lai, cho nên gọi là Viên.

Đây cũng dựa theo nghi thức giáo hóa, mà nói có trước-sau vậy thôi, ý trình bày về căn cơ bây giờ có thể tiếp nhận mau chóng, nhất định là xưa kia đã từng tiếp nhận giáo hóa. Nói căn cơ thuần thực-thông hiểu lên phía trên, nghĩa bao gồm Địa tiền; phạm vi tầng bậc cảnh giới của Phật, tức là nói đến Địa thượng, đối với lý cũng thông suốt.

Ba là Pháp sư Cát Tạng ở cuối đời Tùy-đầu đời Đường, dựa vào kinh Pháp Hoa quyển thứ năm, thiết lập ba loại Pháp luân: 1-“Mới nhìn thấy thân Ta, nghe pháp Ta đã thuyết giảng, lập tức đều tin nhận, tiến vào trí tuệ của Như Lai”, tức là Pháp luân Căn bản. 2-“Trừ những người trước đây tu tập học theo Tiểu thừa”, tức là Pháp luân Chi mật. 3-“Ta nay cũng khiến cho được nghe kinh này, tiến vào trí tuệ của Phật”, tức là Pháp luân Nhiếp mật quy bốn.

Sự phân định này là hoàn toàn dựa theo nghi thức giáo hóa, dựa vào pháp thì chỉ có Đại-Tiểu. Nhưng kinh Pháp Hoa là từ một loại mà tách ra để hiển bày về Bản-Mật. Nếu đem Thánh giáo của một thời đại để phân định, thì nghĩa thu nhận không trọn vẹn, bởi vì trước Pháp Hoa cũng có Đại thừa, lẽ nào Bất-nhã... đều là Chi Mật hay sao? Lại trong kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “Phật thuyết giảng về Đại-Tiểu trong tất cả các Thời.”

